

Bản án số: 48/2025/HS-ST
Ngày 14-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025, Quyết định số 03/2025/QĐ-TA ngày 29 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Duy Đ, sinh ngày 18-4-1986 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi thường trú: 0 T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: 3 L, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1 (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27-11-2006, Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh người gây thương tích và gây rối trật tự công cộng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 288/QĐ-XPHC. Đã chấp hành đóng phạt tiền.

- Ngày 30-6-2008, Công an tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 161/QĐ-XPHC về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” với số tiền 2.000.000 đồng. Đã chấp hành đóng phạt tiền.

- Ngày 09-9-2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 52/2010/HSST. Đã chấp hành xong án phạt và đóng án phí.

- Ngày 16-3-2011, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 20 tháng tù về tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo Bản án số 22/2011/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù, đã đóng án phí, bồi thường trách nhiệm dân sự.

- Ngày 25-6-2012, Công an tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng mang theo vũ khí thô sơ” theo Quyết định số 07/QĐ-XPHC (PC45). Đã chấp hành đóng phạt tiền.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 17-9-2024, đến ngày 24-01-2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Hiện trú tại 3 L, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh).

2. Nguyễn Minh P, sinh ngày 01-01-1977 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi thường trú và chỗ ở: B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh C (đã chết) và bà Vương Thị H; vợ là La Lệ T2, có 01 người con sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 05-9-2024, đến ngày 25-4-2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Hiện trú tại B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trần Thanh N, sinh ngày 24-02-1995 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi thường trú: 2 N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: D B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H1 và bà Đồng Mỹ L; vợ là Trần Thị Thúy A; có 01 người con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18-4-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 15/2018/HSST. Ngày 13-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 15/2018/HSST, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm tù theo Bản án số 237/2018/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31-10-2024, đến ngày 24-01-2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Hiện đang trú tại D B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

4. Nguyễn Văn N1, sinh ngày 27-02-1993 tại tỉnh Tiền Giang

Nơi thường trú: Tổ H, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở: 5 T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị Ngọc L1; vợ là Trần Thị Kim Y, có 01 người con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31-10-2024, đến ngày 24-01-2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Hiện đang trú tại 5 T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N1 và Trần Thanh N: Ông Hoàng Sỹ T4 và bà Đỗ Thị Minh T5, Luật sư thuộc Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Trung T6, sinh năm 1991; địa chỉ: 1 N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1972; địa chỉ: 1 T, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê H2, sinh năm 1991; địa chỉ: 3 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Bà Đoàn Thị Tuyết N2, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Ông Dương Nguyễn Đình T8, sinh năm 1997; địa chỉ: 1 X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H3, sinh năm 1987; địa chỉ: C P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Anh T9, sinh năm 1996; địa chỉ: 1 T, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông Trần Công A1, sinh năm 2000; địa chỉ: 1 N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông Lê Ngọc Toàn M, sinh năm 1992; địa chỉ: 1 T, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Khánh H4, sinh năm 2003; địa chỉ: P Khách sạn H, L đường H, khu Á, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: A H, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Ông Chung Hữu V, sinh năm 1983; địa chỉ: 4 N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Ông Mai Tuấn A2, sinh năm 1991; địa chỉ: 5 P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Ông Trần Quốc H5, sinh năm 1998; địa chỉ: 7 P, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông Chu Hồ T10, sinh năm 1984; địa chỉ: A P, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Ông Phạm Minh B, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

+ Ông Hoàng Như L2, sinh năm 1982; địa chỉ: F L, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (nay là thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 9 năm 2024, Lê Duy Đ cùng Nguyễn Minh P, Chu Hồ T10, Hoàng Như L2 và đối tượng tên “Bí” (chưa rõ lai lịch) đi đến quán Bar T13, địa chỉ: A H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) để nghe nhạc và ăn nhậu. Sau khi vào quán, nhóm của Đ ngồi ở bàn số 26-27 gần khu vực sân khấu được nhân viên là Nguyễn Khánh H4 phục vụ. Đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày, giữa bị cáo Đ và nhân viên của quán phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu là do Đ bị nhân viên quán chặn tầm nhìn sân khấu. Đ đã dùng tay nắm 01 cái vào mặt nhân viên quán tên Lê Ngọc T11 M, M liền dùng tay đánh lại nhưng không trúng Đ. Thấy M bị đánh, Chung Hữu V là nhân viên bảo vệ quán ở gần đó chạy tới can ngăn thì bị Đ dùng 01 vỏ chai bia đập vào đầu gây thương tích.

Nhận thấy vụ việc phức tạp gây ảnh hưởng tới khách đang có mặt tại quán, Trần Thanh N cùng một số bảo vệ khác liền chạy tới đẩy nhóm của Đ ra ngoài quán. Bực tức vì việc 02 đồng nghiệp là M và V bị Đ đánh, N chạy vào trong quán lấy 01 cây gậy tre định đuổi đánh Đ thì được mọi người can ngăn nên rút gậy đi vào trong quán. Cùng lúc đó, ông Nguyễn Văn T7 là chủ quán, thấy Đ và nhóm bảo vệ quán tiếp tục cự cãi nhau liền chạy tới can ngăn và đưa Đ ra xe taxi đang đậu ở khu vực đối diện quán về nhà nhưng Đ không chịu về mà tiếp tục quay lại

chửi bới, hăm dọa đòi đánh nhau với nhóm bảo vệ quán. Khoảng 05 phút sau, Đại còi trần chạy bộ dưới lòng đường Hoàng Hoa T12 hướng về phía nhóm nhân viên bảo vệ quán Ship đang đứng ở trước cửa quán gần khu vực trụ đèn tín hiệu giao thông ngã tư đường H-N. Lúc này, ông T7 đang đi bộ về phía quán thấy Đ lao tới liền đưa chân ra cản và dùng tay ôm Đ lại nhưng không được, Đ tiếp tục lao thẳng đến nhóm nhân viên bảo vệ đang đứng ở trước cửa quán S1. Nguyễn Văn N1 và Trần Thanh N đang đứng trên vỉa hè đường H thấy Đ lao tới nhân viên quán thì cũng lao ra đánh nhau với Đ. N cầm ly thủy tinh ném về hướng của Đ nhưng không trúng liền cùng với N1 dùng tay chân lao vào đánh nhau với Đ. Thấy vậy, Mai Tuấn A2 cũng lao ra cản nhưng bị trượt chân té ngã nên không tham gia đánh nhau. Thấy Đ bị N và N1 đánh, Nguyễn Minh P liền cầm 02 cây kéo trên hai tay (P vừa lấy ở quán L4) lao vào giải cứu Đ. P cầm hai cây kéo đâm Mai Tuấn A2 02 nhát, 01 nhát trúng lưng bên phải, kích thước 02cm, 01 nhát trúng mặt ngoài cánh tay phải, đâm Trần Quốc H5 02 nhát, 01 nhát trúng vùng xương đòn trái, 01 nhát trúng mặt mu ngón 4 tay trái, đâm Nguyễn Văn N1 01 nhát vào vùng ngực. Cả nhóm đánh nhau khoảng 02 phút thì Đ bị N dùng cùi chỏ đánh té ngã xuống đường ngất xỉu, P thấy vậy liền cầm kéo bỏ chạy về nhà, trên đường đi đã rút 02 cây kéo đi. Còn Đ, M, V, A2, N1 và H5 được mọi người đưa đến bệnh viện cấp cứu.

Tại Biên bản đánh giá vụ việc ảnh hưởng đến an ninh trật tự của Ủy ban nhân dân Phường B1, thành phố V ngày 03-9-2024 kết luận: “Vụ việc xảy ra vào khoảng 22 giờ 40 phút ngày 02-9-2024 là ngày lễ Quốc Khánh 2/9 lưu lượng xe lưu thông đông, gây kẹt xe, khách du lịch đông, khu vực tập trung nhiều khách sạn, nhà nghỉ cho thuê lưu trú và nhiều quán phục vụ ăn uống, nam thanh niên sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác ở tuyến đường chính lưu thông của khách du lịch; vụ việc đã ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự công cộng và hình ảnh khu du lịch của thành phố V”.

Ngoài ra, sau khi vụ việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định Trung tâm pháp y-Sở y tế tỉnh B xác định tỷ lệ thương tật của các đối tượng có liên quan, kết quả như sau:

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 399/KLTTCT-PYBRVT ngày 04-10-2024 kết luận đối với thương tích của Lê Duy Đ do Trần Thanh N và Nguyễn Văn N1 gây ra: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Duy Đ là 16%. Đặc điểm vật gây ra thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tầy; cơ chế va đập.”.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 389/KLTTCT-PYBRVT ngày 27-9-2024 kết luận đối với thương tích của Chung Hữu V do Lê Duy Đ gây ra: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Chung Hữu V là 05%. Đặc điểm vật gây ra thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn hoặc vật cứng có cạnh sắc, khả năng do một lần tác động; theo cơ chế vừa đâm vừa rạch hoặc cắt vào.”.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 385/KLTTCT-PYBRVT ngày 04-10-2024 kết luận đối với thương tích của Nguyễn Văn N1 do Nguyễn Minh P gây ra: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn N1 là 01%. Đặc điểm vật gây ra thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng nhọn hoặc vật cứng có cạnh sắc nhọn, cơ chế đâm.”.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 388/KLTTCT-PYBRVT ngày 27-9-2024 kết luận đối với thương tích của Mai Tuấn A2 do Nguyễn Minh P gây ra: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Mai Tuấn A2 là 02%. Đặc điểm vật gây ra thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng nhọn hoặc vật cứng có cạnh sắc nhọn, cơ chế đâm.”.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 387/KLTTCT-PYBRVT ngày 27-9-2024 kết luận đối với thương tích của Trần Quốc H5 do Nguyễn Minh P gây ra: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Quốc H5 là 03%. Đặc điểm vật gây ra thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng nhọn hoặc vật cứng có cạnh sắc nhọn, cơ chế đâm.”.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 386/KLTTCT-PYBRVT ngày 27-9-2024 kết luận đối với thương tích của Lê Ngọc Toàn M do Lê Duy Đ gây ra: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Ngọc Toàn M là 04%. Đặc điểm vật gây ra thương tích, cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng nhọn hoặc vật cứng sắc nhọn. Khả năng do một lần tác động gây ra theo cơ chế đâm (vết thương xuyên thấu).”.

Đối với thương tích của Lê Duy Đ do Trần Thanh N và Nguyễn Văn N1 gây ra tuy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 16% nhưng N và N1 chỉ sử dụng tay và chân đánh Đ, không dùng hung khí nguy hiểm nên thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại. Đối với các thương tích của Chung Hữu V, Nguyễn Văn N1, Mai Tuấn A2, Trần Quốc H5, Lê Ngọc Toàn M do Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P gây ra mặc dù có sử dụng hung khí nguy hiểm nhưng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra dưới 11% cũng thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại. Sau khi vụ việc xảy ra, Đ, V, N1, Tuấn A2, H5, M đã tự nguyện làm đơn bãi nại xin rút yêu cầu khởi tố. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng, người có liên quan; phù hợp với hình ảnh thu giữ từ Camera an ninh; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKSVT ngày 18 tháng 02 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P và Trần Thanh

N về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn N1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy hồ sơ cần làm rõ vấn đề liên quan đến những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N1 nên Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu theo Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 08/2025/HSST-QĐ ngày 16-4-2025.

Tại Văn bản số 140/CV-VKSVT ngày 15 tháng 5 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu (nay là khu V, thành phố Hồ Chí Minh) giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác có liên quan theo Bản cáo trạng số 39/CT-VKSVT ngày 18 tháng 02 năm 2025.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P, Trần Thanh N và Nguyễn Văn N1 về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Duy Đ mức án từ 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh N mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn N3 mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: 03 chiếc đĩa DVD lưu trữ video ghi nhận vụ việc đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh.

- Bị cáo Lê Duy Đ thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu không phải do bị cáo rời khỏi bàn nhậu đi lên bậc sân khấu nơi các nhân viên nữ đang biểu diễn mà do khi bị cáo đang nghe nhạc thì nhân viên quán Ship chắn tầm nhìn sân khấu

của bị cáo nên bị cáo và nhân viên của quán S có mâu thuẫn và sự việc sau đó xảy ra như Cáo trạng đã nêu.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Văn N1 phát biểu ý kiến tranh luận: Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo N và bị cáo N1, Luật sư hoàn toàn thống nhất với Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N và bị cáo N1 do các bị cáo là nhân viên bảo vệ của quán S1. Nhiệm vụ của các bị cáo là bảo vệ trật tự cho Q. Khi bị cáo Đ, P gây rối tại Quán thì các bị cáo đang thực hiện nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, sau khi các bị cáo gây thương tích cho bị cáo Đ, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị cáo Đ. Bị cáo N có vợ mất sớm, bị cáo một mình nuôi con nhỏ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo N. Đối với bị cáo N1, bị cáo chỉ tham gia sau khi bị cáo Đ lao đầu vào, nhiệm vụ của bị cáo là ngăn cản không cho bị cáo Đ gây rối trật tự tại quán, sợ bị đánh nên bị cáo mới đánh lại, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt tiền đối với bị cáo N1.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa không yêu cầu hoãn phiên tòa, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã

thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 02 tháng 9 năm 2024, tại quán Bar T13, địa chỉ: A H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Lê Duy Đ và nhóm bảo vệ quán Bar S1 xảy ra mâu thuẫn về việc, Đ đã đâm 01 nhát vào mặt Lê Ngọc Toàn M gây thương tích 04% và dùng vỏ chai bia đánh vào đầu Chung Hữu V gây thương tích 05%. Sau đó, Đ bị nhóm bảo vệ đưa ra ngoài quán. Tuy nhiên, tại đây Đ tiếp tục lao vào đánh nhau với Nguyễn Văn N1 và Trần Thanh N tại khu vực lòng đường Hoàng Hoa T12. Thấy Đ bị N1 và N đánh, Nguyễn Minh P liền lấy 02 cây kéo cầm trên hai tay lao vào đâm Nguyễn Văn N1 thương tích 01%, Trần Quốc H5 thương tích 03%, Mai Tuấn A2 thương tích 02%. Ngoài ra, Lê Duy Đ cũng bị Nguyễn Văn N1 và Trần Thanh N sử dụng tay chân đánh gây thương tích 16%. Vụ việc đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại khu vực.

Tại Biên bản đánh giá vụ việc ảnh hưởng đến an ninh trật tự của Ủy ban nhân dân Phường B1, thành phố V ngày 03-9-2024 kết luận: “Vụ việc xảy ra vào khoảng 22 giờ 40 phút ngày 02-9-2024 là ngày lễ Quốc Khánh 2/9 lưu lượng xe lưu thông đông, gây kẹt xe, khách du lịch đông, khu vực tập trung nhiều khách sạn, nhà nghỉ cho thuê lưu trú và nhiều quán phục vụ ăn uống, nam thanh niên sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác ở tuyến đường chính lưu thông của khách du lịch; vụ việc đã ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự công cộng và hình ảnh khu du lịch của thành phố V”.

Hành vi của các bị cáo Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P và Trần Thanh N thực hiện như trên đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm”.

Bị cáo Nguyễn Văn N1 khi thấy bị cáo Đ lao vào nhân viên bảo vệ quán, bị cáo N1 đã dùng tay không đánh bị cáo Đ. Trước đó, khi bị cáo N dùng ly bia ném vào phía bị cáo Đ bị cáo N1 không biết, và trước đó giữa bị cáo N và bị cáo N1 không có sự bàn bạc về việc sẽ đánh bị cáo Đ nên bị cáo N1 không phải chịu tình tiết dùng hung khí nguy hiểm gây rối trật tự công cộng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N1 thực hiện như trên đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, gây bất an cho cộng đồng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Vụ việc bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa bị cáo Đ và nhân viên bảo vệ của quán S, bị cáo Đ đã đánh nhân viên bảo vệ quán S1 dẫn đến các bên mâu thuẫn, xô xát, đánh nhau từ trong quán ra ngoài quán nên trong

vụ án này bị cáo Đ tham gia với vai trò cao nhất, bị cáo P có vai trò nhẹ hơn bị cáo Đ tuy nhiên bị cáo P là người trực tiếp cầm hung khí nguy hiểm đâm gây thương tích cho nhiều người, bị cáo N và bị cáo N1 là bảo vệ quán, đáng lẽ với nhiệm vụ bảo vệ quán, khi bị cáo Đ lao vào các bị cáo phải vào ngăn bị cáo Đ lại tránh sự việc đánh nhau xảy ra tuy nhiên khi bị cáo Đ lao vào nhóm bảo vệ bị cáo N và N1 lại có hành vi đánh lại bị cáo Đ và P gây rối trật tự công cộng.

Do vụ việc diễn ra đột ngột, bột phát nên các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết, không ai là người cầm đầu, chỉ huy, hay có vai trò tác động, kích động, điều khiển, chỉ phối đối với vụ việc đối với các bị cáo khác nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Sự việc diễn ra nhanh chóng tuy nhiên sự việc diễn ra vào ngày lễ 02-9 trên tuyến đường đông đúc, đông người qua lại. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào hành vi, mức độ và nhân thân để xử lý, nhằm bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P, Trần Thanh N, Nguyễn Văn N1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Minh P có bố ruột là người có công với cách mạng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn N1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo N và N1, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này các bị cáo bị truy tố về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Việc bị cáo N, N1 đã bồi thường thiệt hại cho bị cáo Đ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hành vi “Cố ý gây thương tích”, không phải là tình tiết giảm nhẹ đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”. Do vậy, bị cáo N và bị cáo N1 không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo N không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo. Đối với bị cáo N1, mặc dù bị cáo N1 tham gia sau nhưng khi thấy bị cáo N đánh bị cáo Đ, bị cáo không vào can ngăn mà lại cùng bị cáo N đánh bị cáo Đ gây thương tích, gây rối trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo N và bị cáo N1 là nhân viên bảo vệ quán, do bị cáo Đ đánh nhân viên quán, gây rối trật tự công cộng tại quán trước nên bị cáo N, N1 mới đánh bị cáo Đ gây rối trật tự công cộng nên Hội đồng xét xử xét sẽ cân nhắc tình tiết này để quyết định hình phạt phù hợp đối với hai bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: 03 chiếc đĩa DVD lưu trữ video ghi nhận vụ việc lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Đối với thương tích của bị cáo Lê Duy Đ do bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Văn N1 gây ra tuy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 16% nhưng bị cáo N và N1 chỉ sử dụng tay và chân đánh bị cáo Đ, không dùng hung khí nguy hiểm nên thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại; Đối với các thương tích của Chung Hữu V, Nguyễn Văn N1, Mai Tuấn A2, Trần Quốc H5, Lê Ngọc Toàn M do bị cáo Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P gây ra mặc dù có sử dụng hung khí nguy hiểm nhưng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra dưới 11% cũng thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại. Tuy nhiên, sau khi vụ việc xảy ra, bị cáo Đ, V, N1, Tuấn A2, H5, M đã tự nguyện làm đơn bãi nại xin rút yêu cầu khởi tố. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại khoản 8 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 6.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích là đúng quy định.

Đối với Lê Ngọc Toàn M, Chung Hữu V, Nguyễn Văn T7, Mai Tuấn A2, Trần Quốc H5, kết quả điều tra xác định không tham gia vào vụ việc đánh nhau do đó hành vi của M, V, T7, A2, H5 không có dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Duy Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-9-2024 đến ngày 24-01-2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh P 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-9-2024 đến ngày 25-4-2025.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-10-2024 đến ngày 24-01-2025.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-10-2024 đến ngày 24-01-2025.

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 03 chiếc đĩa DVD lưu trữ video ghi nhận vụ việc lưu theo hồ sơ vụ án.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Duy Đ, Nguyễn Minh P, Trần Thanh N, Nguyễn Văn N1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đối với những người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (PV06,PC10);
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11 TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 11 TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Huê